

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-04-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung giữa chị H và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Anh.

Ông Trần Xuân Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; “xin vắng mặt”

Bị đơn: Anh Đặng Anh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Người làm chứng: Ông Đặng Hồng T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10-02-2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Đặng Anh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14-12-2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra va chạm. Từ tháng 7-2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đặng Anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đặng Ngọc D, sinh ngày 29-11-2018, hiện nay đang ở cùng chị H. Nay ly hôn chị H đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị H đang làm việc tại công ty A1 thu nhập khoảng 07-08 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Đào Thị H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Đặng Anh T nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 10/2025/TB-TLVA ngày 17 tháng 02 năm 2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác cho anh T. Anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã biết việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn nộp nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị H.

Qua xác minh và thu thập tài liệu chứng cứ tại nơi cư trú của chị H và anh T: Đại diện Ủy ban nhân dân (UBND) xã N cho biết: Anh Đặng Anh T, sinh năm 1986 có đăng ký kết hôn với chị Đào Thị H, sinh năm 1993 vào ngày 14-12-2016 tại UBND xã N, huyện N. Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc D, sinh ngày 29-11-2018 có đăng ký khai sinh tại UBND xã N. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh Đặng Anh T với nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Vì theo quy định của pháp luật đương sự nộp đơn trực tiếp đến Tòa án mà không phải thông qua hòa giải cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Hồng T1 là bố đẻ anh Đặng Anh T trình bày: Hiện nay anh T đang làm việc tại công ty, sáng đi tối về, anh T đã biết việc chị H có yêu cầu Tòa

án giải quyết ly hôn với anh T, anh T và gia đình không có ý kiến gì. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh T, ông cam kết nhận thay và sẽ giao tận tay cho anh T.

Vì lý do công việc bận nên chị H có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị H và anh Đặng Anh T.

Về con chung: Giao con chung Đặng Ngọc D, sinh ngày 29-11-2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Đào Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Đặng Anh T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đào Thị H và anh Đặng Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 14-12-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra va chạm. Từ tháng 7-2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đặng Anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra va chạm nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ tháng 07-2024. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tài liệu cho anh T, anh T đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh T cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị H. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị H xác nhận vợ chồng có một con chung là Đặng Ngọc D, sinh ngày 29-11-2018, hiện nay đang ở cùng chị H. Nay ly hôn chị H đề nghị tiếp tục được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay và nguyện vọng của chị H thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu D sống cùng chị H, anh T không quan tâm chăm sóc con và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết được yêu cầu của chị H đề nghị nhận nuôi con chung, tuy nhiên anh T không có ý kiến gì. Hiện chị H đang làm việc tại công ty A1 thu nhập

khoảng 07-08 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi con chung của chị H, giao cháu Đặng Ngọc D cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H (do chị H không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị H và anh Đặng Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Ngọc D, sinh ngày 29-11-2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Đào Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005275 ngày 17-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải A Trần Xuân C

